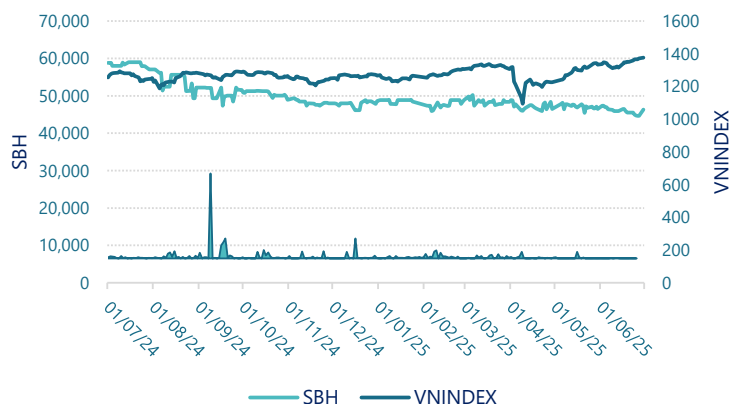


CTCP Thủy điện Sông Ba Hạ (UPCOM: SBH)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	47,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	58,988
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	44,637
SL cổ phiếu LH	124,225,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	660
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	5,888
P/E	16.2
EPS	2,926

DT thuần

Q2/25

90.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▼13.4| -12.9%

YoY: ▲ 33.6| 59.0%

LN sau thuế

Q2/25

31.7

tỷ VNĐ

QoQ: ▼19.0| -37.5%

YoY: ▲ 50.8| 266%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

43.8%

+/- YoY: ▲ 81.4%

DT thuần

6T 2025

194

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 54.0| 38.8%

LN sau thuế

6T 2025

82.4

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 89.4| 1284%

ROE

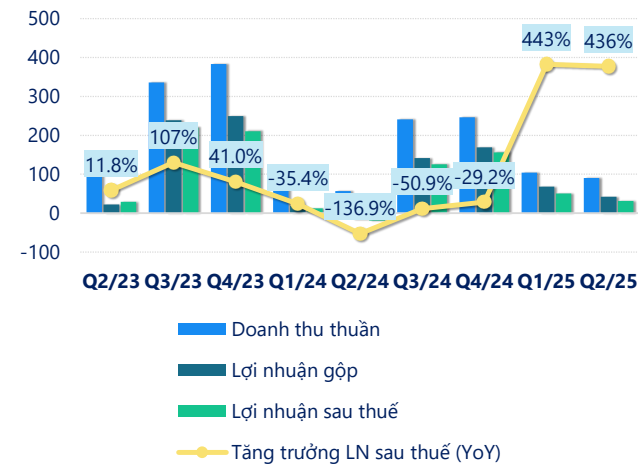
Q2/25

23.0%

+/- YoY: ▼ 0.4%

tỷ VNĐ

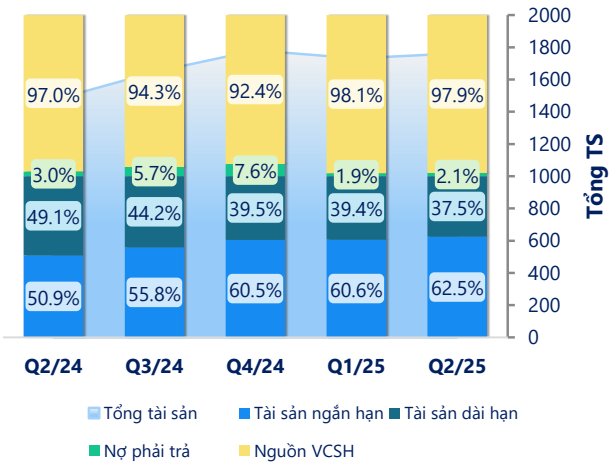
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

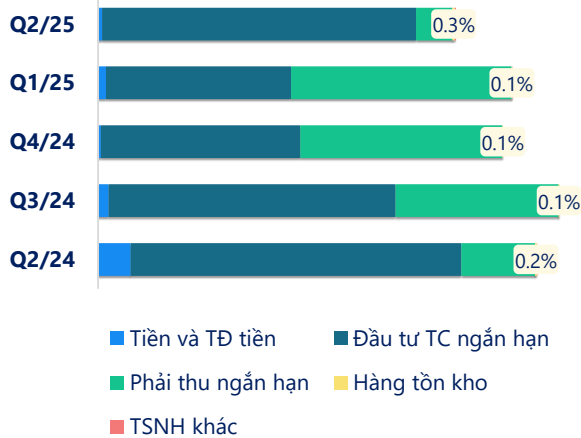
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



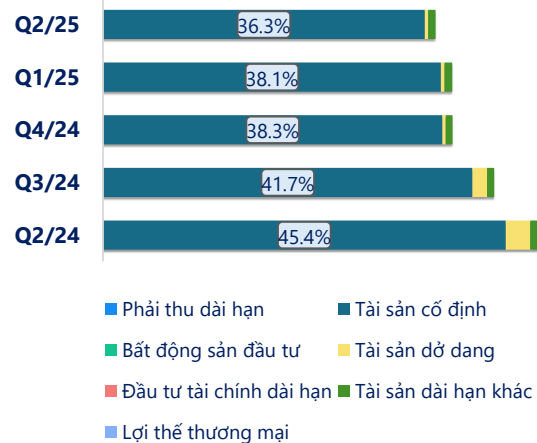
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

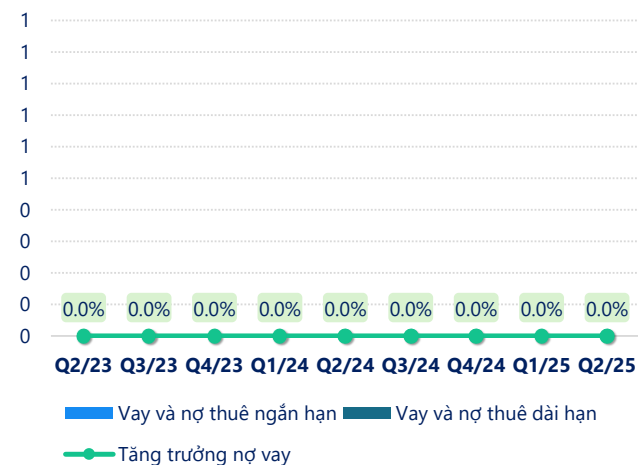
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

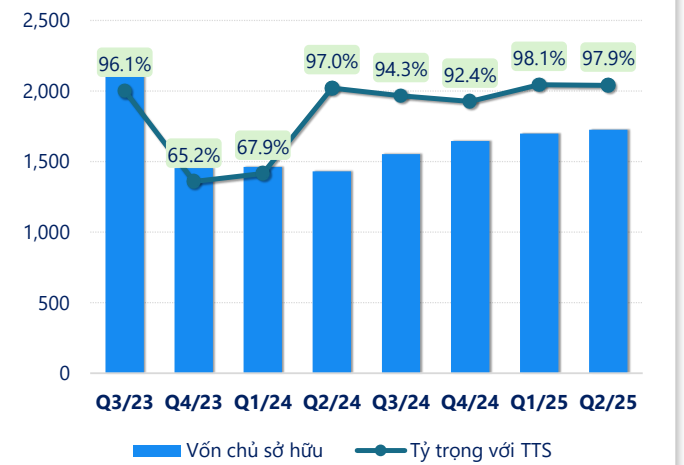
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



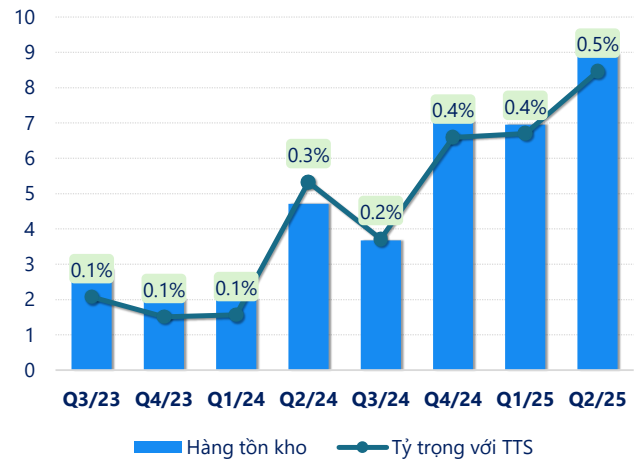
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn

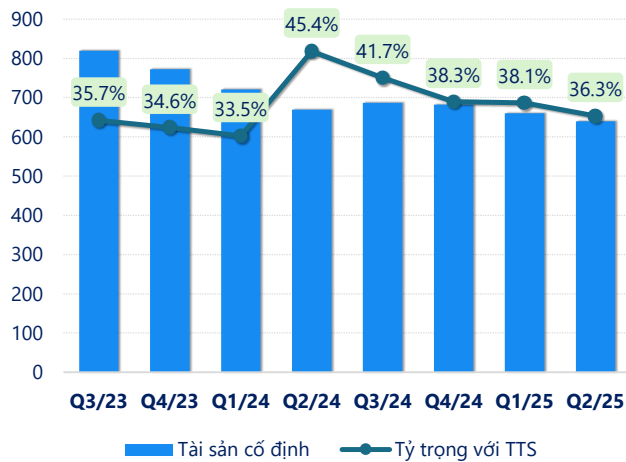

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


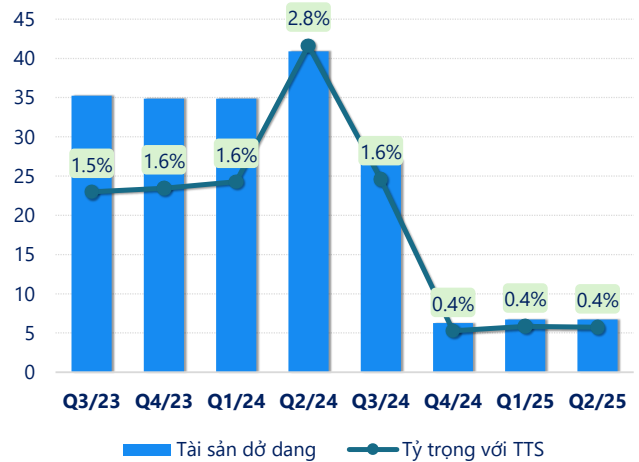
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

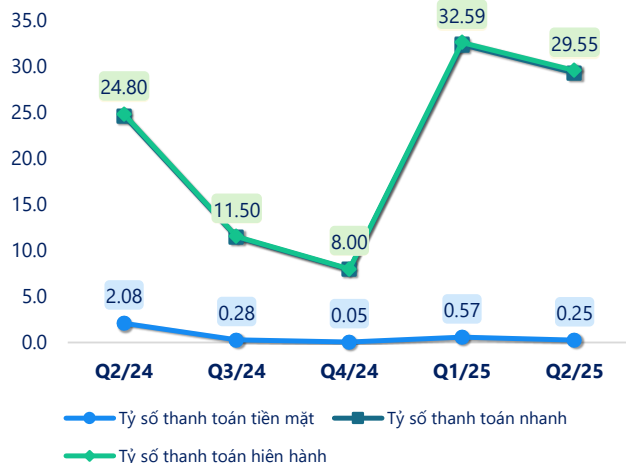
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	1,473	1,646	1,781	1,731	1,762
Tài sản ngắn hạn	750	919	1,078	1,049	1,101
Tiền và tương đương tiền	63.0	22.7	6.94	18.2	9.40
Đầu tư tài chính ngắn hạn	609	630	761	657	876
Phải thu ngắn hạn	70.4	263	302	366	206
Hàng tồn kho	4.71	3.67	7.04	6.95	8.94
Tài sản ngắn hạn khác	2.51	0.03	1.16	1.08	0.69
Tài sản dài hạn	724	727	703	682	662
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	670	686	682	660	640
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	40.9	27.0	6.27	6.74	6.74
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	13.3	13.3	14.1	15.0	14.8
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	43.7	93.4	135	32.2	37.3
Nợ ngắn hạn	30.2	79.9	135	32.2	37.3
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	6.52	15.6	28.8	6.56	8.05
Nợ dài hạn	13.5	13.5	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,430	1,553	1,646	1,699	1,725
Vốn chủ sở hữu	1,430	1,553	1,646	1,699	1,725
Vốn điều lệ	1,242	1,242	1,242	1,242	1,242
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)